CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Hòa Việt

Ngày 31/03/2025	6,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	6.2%	**19.0%**	**27.8%**

DT thuần
Q1/25
50.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼226| -81.8%
YoY: ▲ 6.30| 14.2%

LN thuần
Q1/25
2.66
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.63| -37.9%
YoY: ▲ 3.64| 372%

LN sau thuế
Q1/25
2.13
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.29| -37.7%
YoY: ▲ 3.11| 317%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
7.9%
YoY: +/-▲ 6.0%

ROE (TTM)
Q1/25
9.7%
YoY: +/-▲ 1.6%

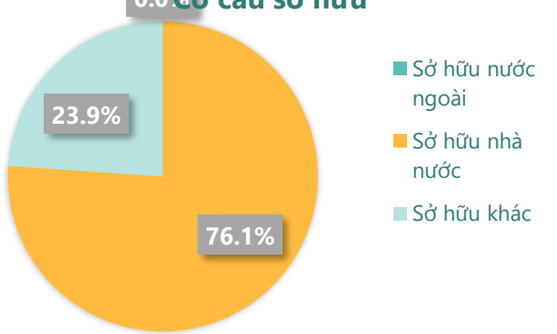
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	4,700 - 8,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	89
Số lượng CPLH (CP)	12,853,052
KLGD BQ 20 phiên (CP)	605
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.21
EPS	1,335
P/E	5.2

DT thuần
2024
852
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 243| 40.1%

LN thuần
2024
16.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.90| 43.5%

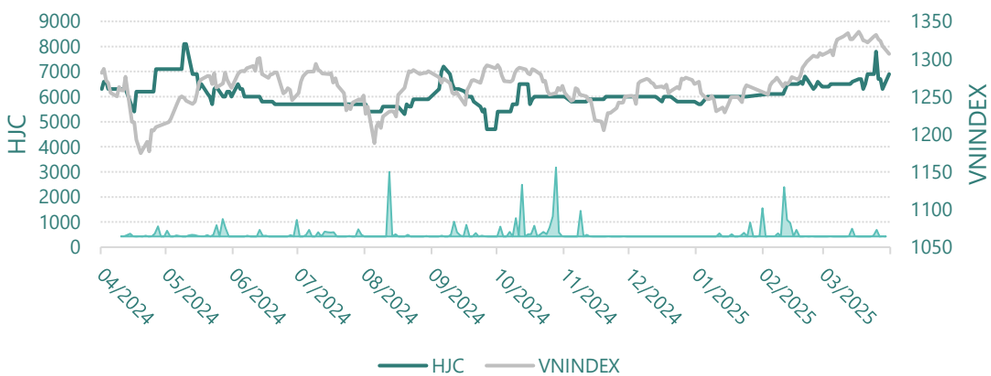
LN sau thuế
2024
12.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.82| 43.1%

Cơ cấu sở hữu

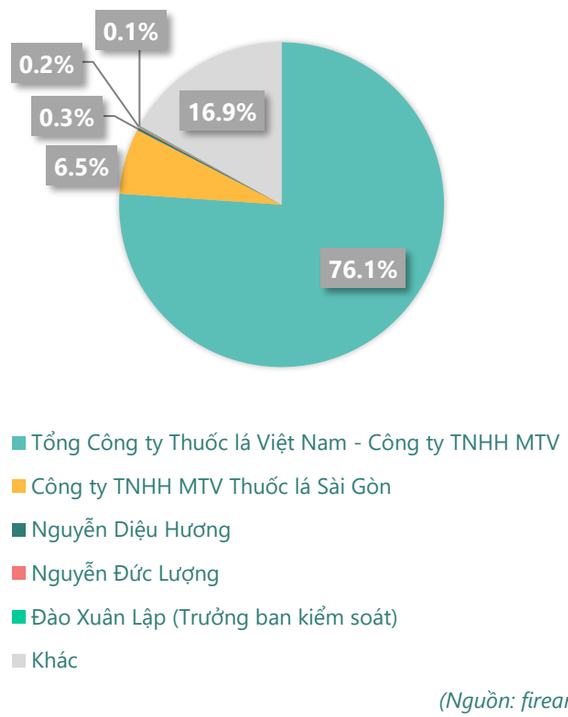


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



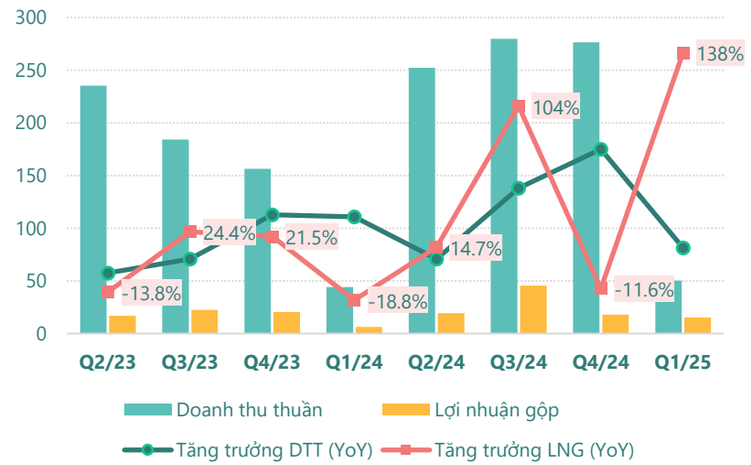
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

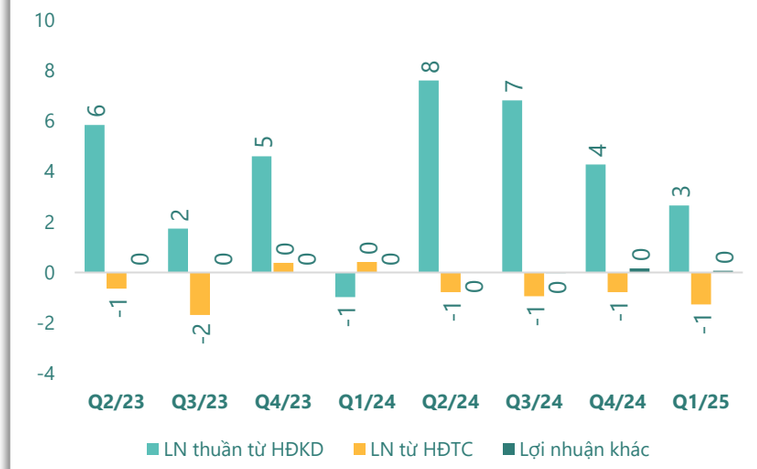
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



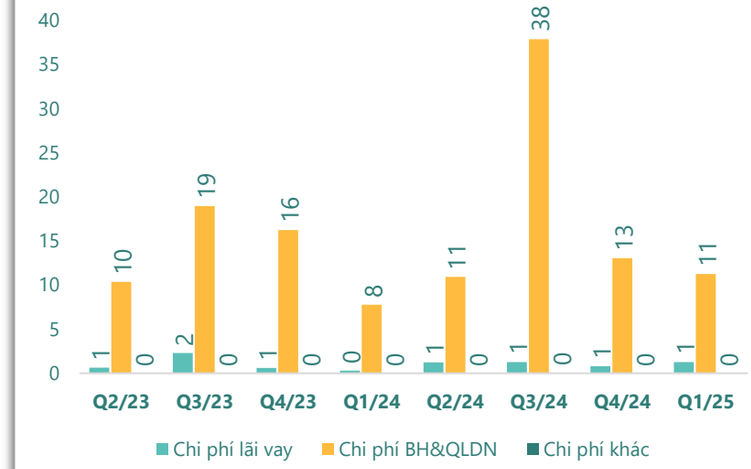
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



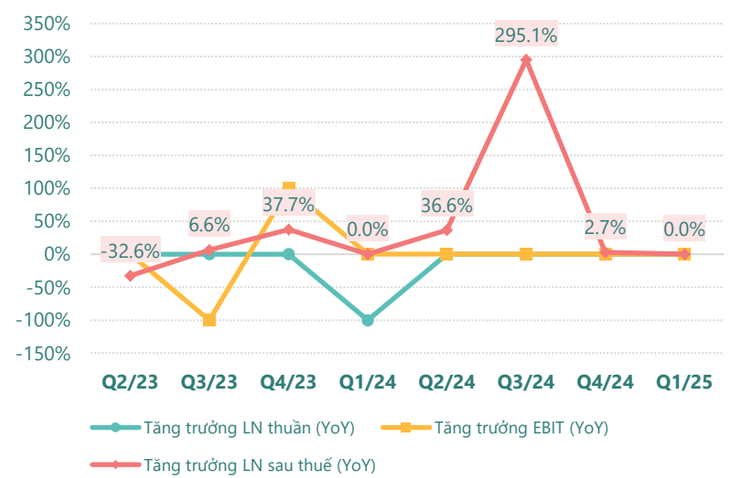
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



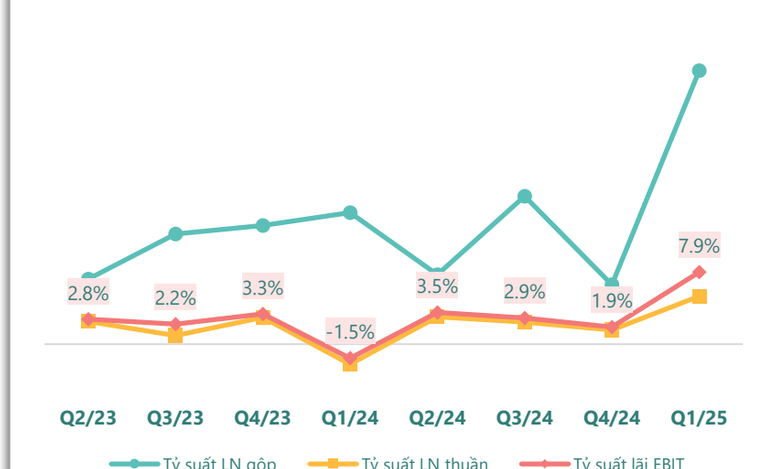
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



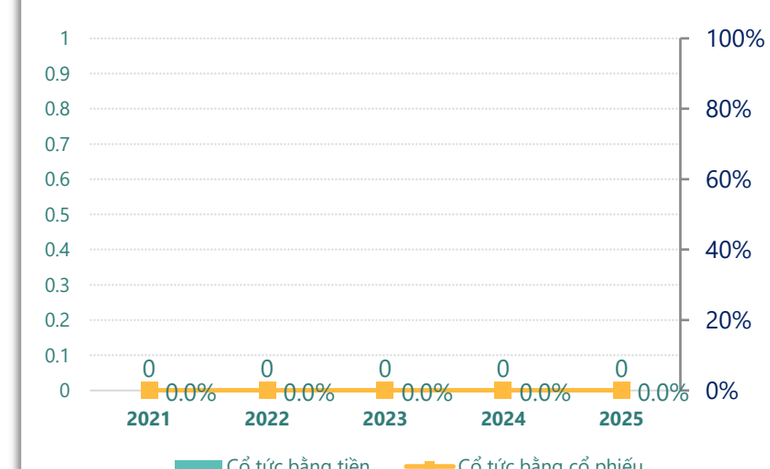
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

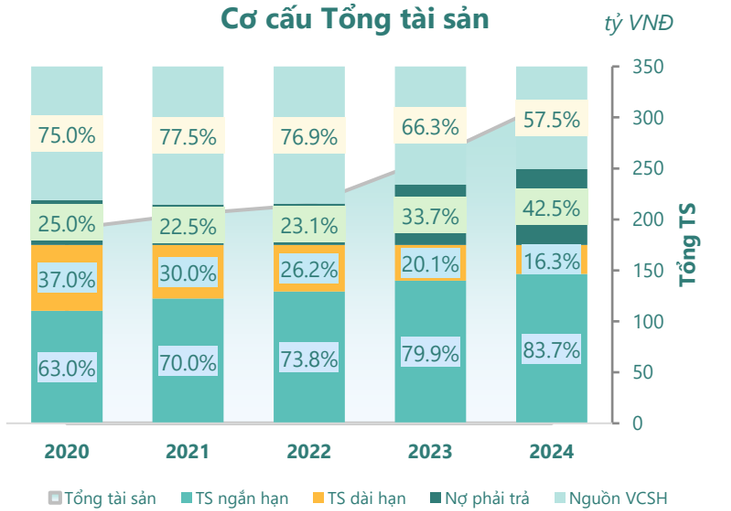
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

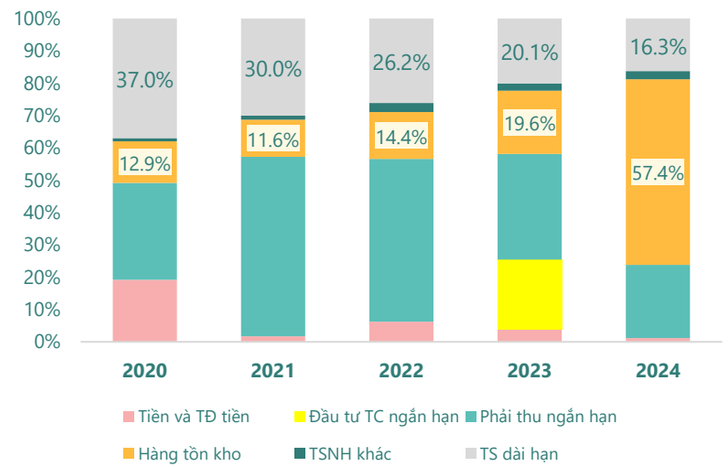
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



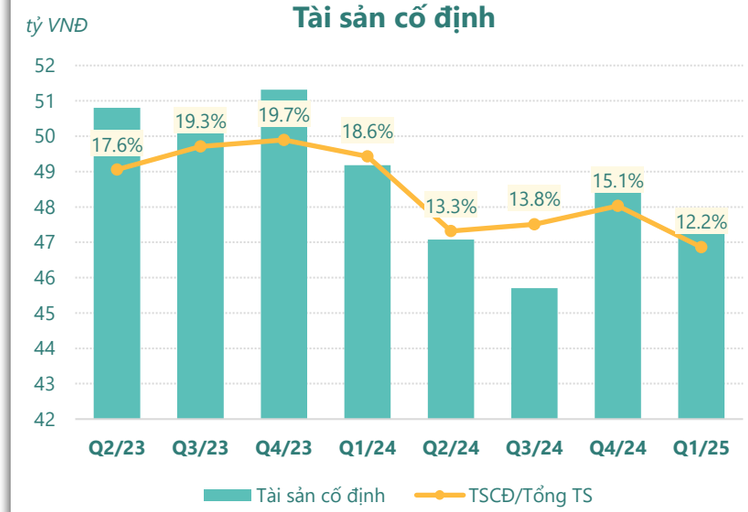
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



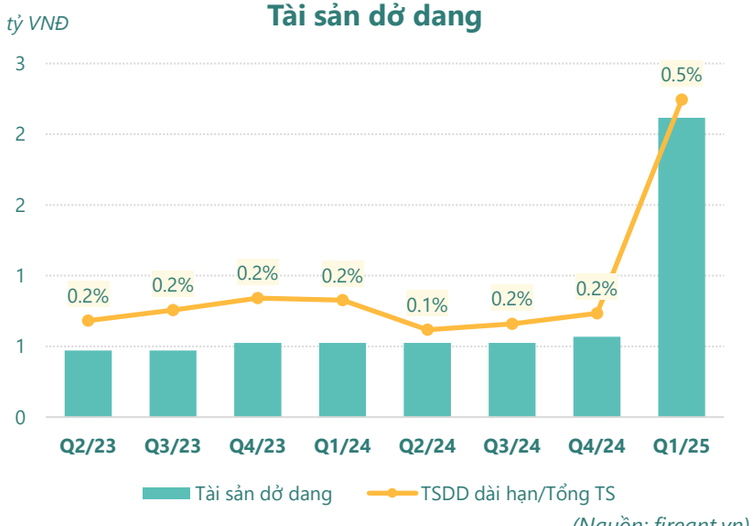
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



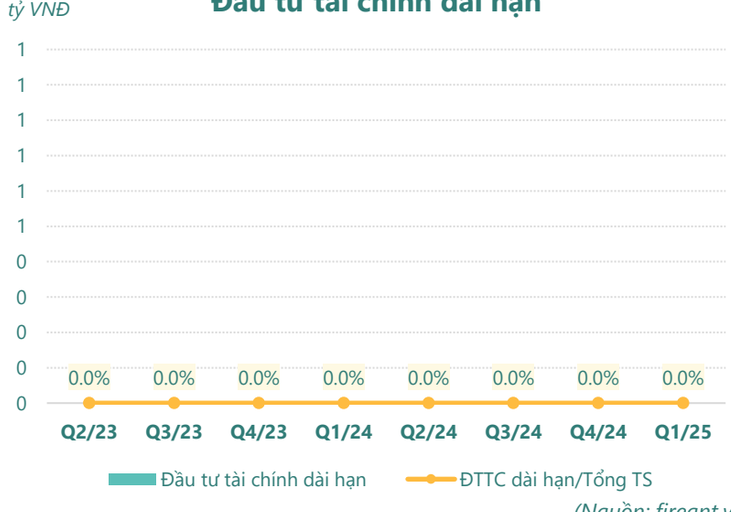
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



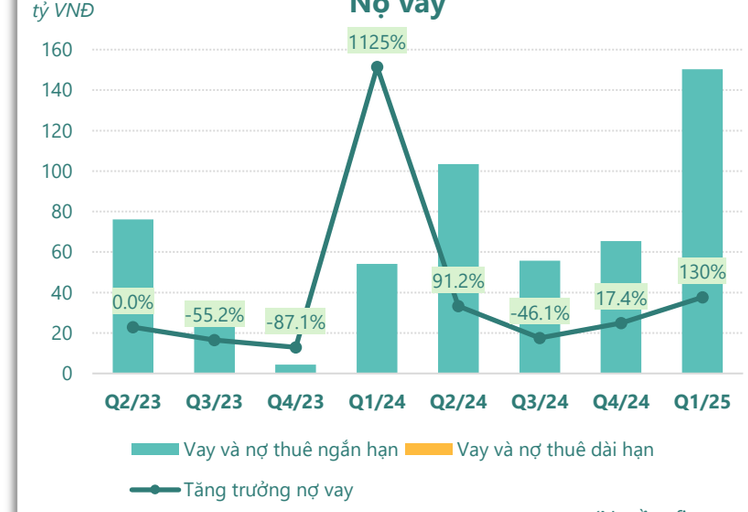
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

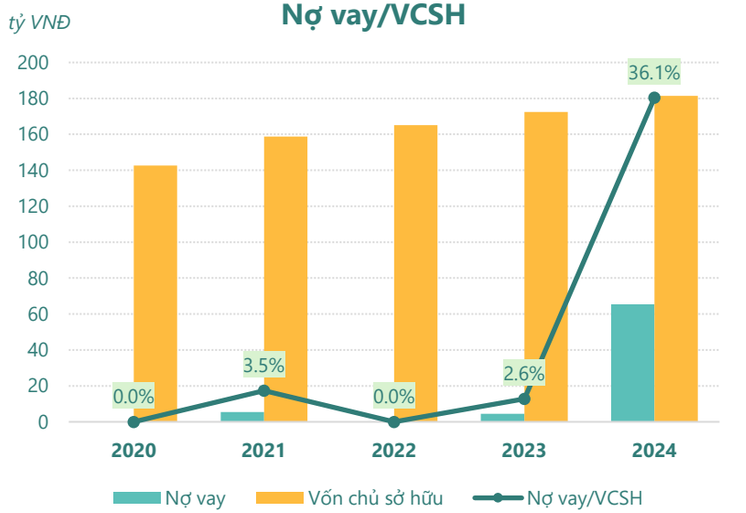
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

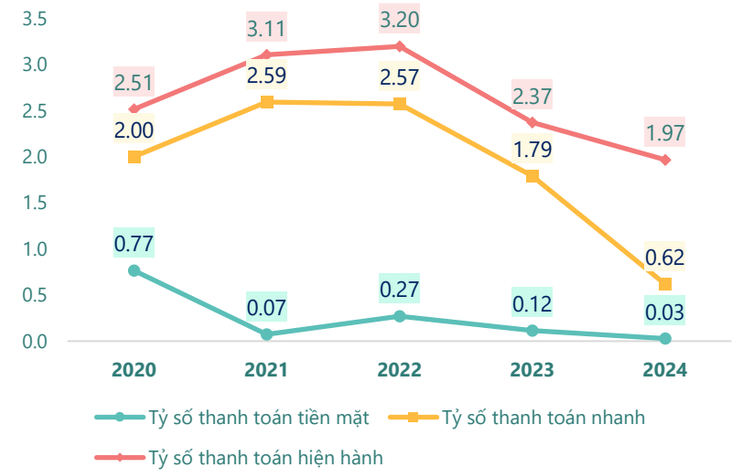
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



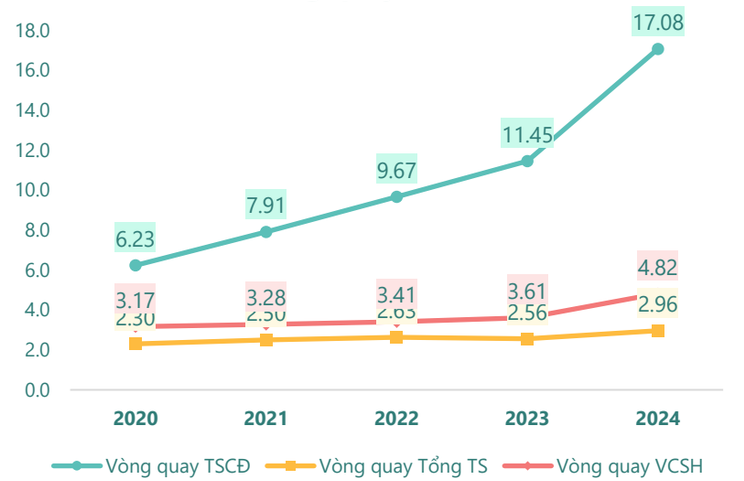
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



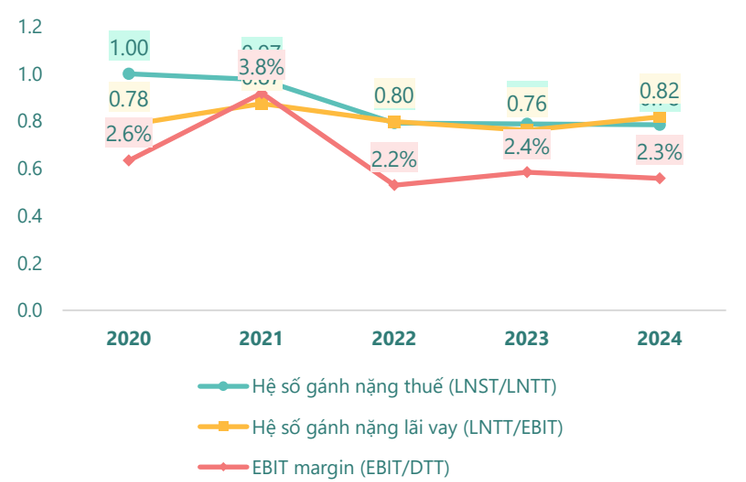
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



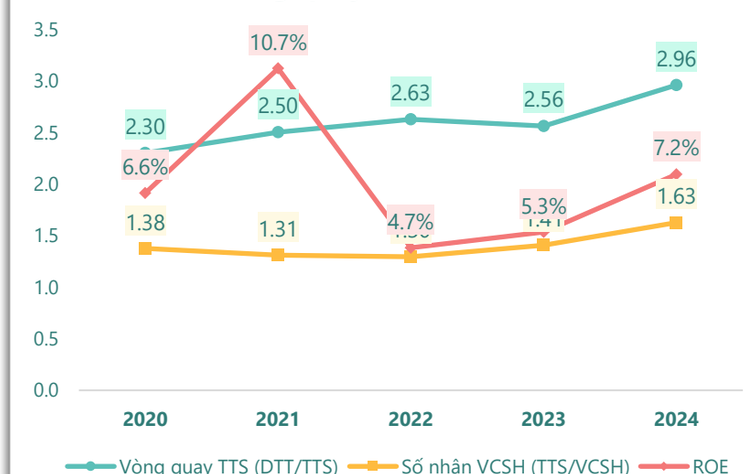
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



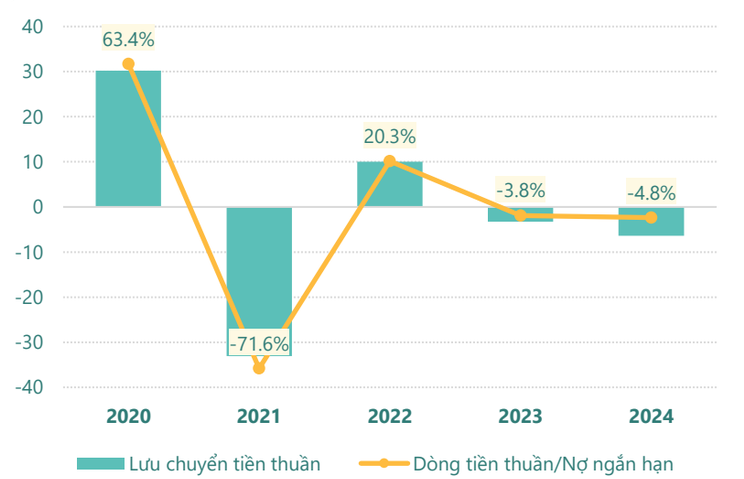
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**50.4**	**44.1**	**14.2%**	**852**	**609**	**40.1%**
Giá vốn hàng bán	35.2	37.7	-6.7%	767	541	41.7%
Lợi nhuận gộp	15.2	6.39	138%	85.8	67.6	27.0%
Doanh thu HĐTC	0.01	0.72	-99.0%	1.59	1.60	-0.8%
Chi phí TC	1.27	0.30	325%	3.67	3.54	3.6%
Chi phí lãi vay	1.27	0.29	340%	3.62	3.53	2.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	3.35	1.03	225%	20.4	6.94	195%
Chi phí QLDN	**7.91**	**6.76**	**17.0%**	**47.2**	**47.5**	**-0.6%**
LN thuần từ HĐKD	2.66	-0.98	372%	16.1	11.2	43.5%
Lợi nhuận khác	**0.06**	**0.00**		**0.12**	**0.06**	**110%**
LN trước thuế	2.73	-0.98	378%	16.2	11.3	43.9%
Lợi nhuận sau thuế	**2.13**	**-0.98**	**317%**	**12.7**	**8.88**	**43.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**2.13**	**-0.98**	**317%**	**12.7**	**8.88**	**43.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	43.6	-58.4	-105	57.9	-14.6	-83.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-57.5	0.72	56.2	-0.37	-3.69	-1.10
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-29.7	49.7	49.3	-47.7	9.68	84.9
Tiền đầu kỳ	53.9	10.2	2.16	2.52	12.3	3.79
Lưu chuyển tiền thuần	**-43.7**	**-8.01**	**0.36**	**9.83**	**-8.56**	**0.82**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	10.2	2.16	2.52	12.3	3.79	4.61

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**393**	**316**	**24.5%**
Tài sản ngắn hạn	341	264	29.1%
Tiền và tương đương tiền	4.61	3.79	21.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	117	71.5	63.6%
Hàng tồn kho	213	181	17.4%
Tài sản ngắn hạn khác	6.99	7.76	-9.9%
Tài sản dài hạn	**52.0**	**51.5**	**0.9%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	47.8	48.5	-1.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.12	0.57	273%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**2.08**	**2.39**	**-13.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	210	134	56.1%
Nợ ngắn hạn	**210**	**134**	**56.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	150	65.4	130%
Phải trả người bán ngắn hạn	41.8	45.1	-7.3%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**184**	**181**	**1.2%**
Vốn chủ sở hữu	**184**	**181**	**1.2%**
Vốn điều lệ	129	129	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)